

**TỜ TRÌNH**

**Dự thảo Nghị định quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ năm 2023, Bộ Tư pháp kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 113/2014/NĐ-CP ngày 26/11/2014 của Chính phủ về quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật (sau đây gọi là dự thảo Nghị định) như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH**

**1. Về cơ sở chính trị, pháp lý**

**a) Cơ sở chính trị**

Ngày 09/12/2009, Ban Bí thư đã ban hành Chỉ thị số 39-CT/TW về hợp tác với nước ngoài trong lĩnh vực pháp luật, cải cách hành chính và cải cách tư pháp (sau đây gọi là Chỉ thị số 39-CT/TW) làm cơ sở, định hướng để các cơ quan, tổ chức Việt Nam triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp trong những năm qua. Trên cơ sở tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 39-CT/TW, Ban Bí thư đã đánh giá hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp được tăng cường, mở rộng, đi vào chiều sâu; các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp đã có bước trưởng thành trong việc tiếp thu có chọn lọc tri thức, tinh hoa và kinh nghiệm quốc tế phù hợp với thực tiễn Việt Nam để hoàn thiện pháp luật, cải cách tư pháp, đáp ứng được yêu cầu của công cuộc đổi mới, phát triển và bảo vệ đất nước. Đồng thời, Ban Bí thư cũng chỉ ra một số điểm hạn chế như công tác quản lý hoạt động hợp tác quốc tế với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài và của các hội, quỹ có lúc còn bị động; sự phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, giữa Trung ương và địa phương ở một số nơi còn thiếu chặt chẽ, chưa chú ý làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ, chưa đề cao cảnh giác với âm mưu diễn biến hòa bình.

Để tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp, Ban Bí thư đã ban hành Kết luận số 73-KL/TW ngày 20/5/2020 về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 39-CT/TW trong đó xác định những nhiệm vụ trọng tâm nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực này như cần tiếp tục tăng cường, đổi mới hiệu quả quản lý nhà nước về hợp tác

quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp, thực hiện các giải pháp để đảm bảo an ninh chính trị, độc lập, chủ quyền trong hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, hoàn thiện quy trình từ đề xuất đến thực hiện, kiểm tra, giám sát hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp; chú trọng nâng cao vai trò làm chủ, chủ động của phía Việt Nam trong lựa chọn đối tác, nội dung, hình thức hợp tác; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, phòng ngừa, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm minh các vi phạm. Triển khai thực hiện Kết luận số 73-KL/TW, ngày 22/9/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 84/QĐ-TTg ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 73-KL/TW, trong đó giao Bộ Tư pháp rà soát, đề xuất hoàn thiện thể chế về quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp.

Cùng với đó, Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII đề ra phương hướng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực hợp tác quốc tế về pháp luật<sup>1</sup>, theo đó *“Tiếp tục đổi mới hợp tác quốc tế về pháp luật theo hướng chủ động, tích cực, tận dụng hiệu quả các quy tắc, luật lệ quốc tế và tham gia các hoạt động của cộng đồng khu vực và quốc tế; chủ động đề xuất sáng kiến, cơ chế hợp tác trên nguyên tắc cùng có lợi, vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới, nhằm tạo ra sự thay đổi về chất lượng công tác hợp tác quốc tế về pháp luật. Nghiên cứu giải pháp gia tăng sự hiện diện của chuyên gia pháp luật Việt Nam trong các thiết chế luật pháp quốc tế”*. Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị lần thứ Sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới đề ra nhiệm vụ *“Tiếp tục hoàn thiện cơ chế để chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, thực chất, hiệu quả, thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia-dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và pháp luật quốc tế; giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quốc gia, chế độ xã hội chủ nghĩa”*.

### **b) Cơ sở pháp lý**

Luật Tổ chức Chính phủ tại khoản 1 Điều 6 quy định Chính phủ có nhiệm vụ, quyền hạn *“Ban hành kịp thời và đầy đủ các văn bản pháp luật để thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước và để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;...”*. Đồng thời, tại Điều 22 Luật Tổ chức Chính phủ về nhiệm vụ và quyền hạn của Chính phủ trong đối ngoại và hội nhập quốc tế quy định Chính phủ có một số nhiệm vụ, quyền hạn như: Thống nhất quản lý nhà nước về đối ngoại và hội nhập quốc tế; Tổ chức thực hiện đường lối đối ngoại

<sup>1</sup> Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2016-2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2021-2025, trang 154, tập II, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII.

nhà nước về đối ngoại và hội nhập quốc tế; Tổ chức thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị...; quyết định các chủ trương và biện pháp để tăng cường và mở rộng quan hệ với nước ngoài và các tổ chức quốc tế;...

Ngoài ra, khoản 2 Điều 19 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) quy định Chính phủ ban hành Nghị định để quy định các biện pháp cụ thể tổ chức thi hành Hiến pháp, luật của Quốc hội; các biện pháp để thực hiện chính sách đối ngoại;...

Các văn bản nêu trên là những cơ sở chính trị, pháp lý quan trọng để xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 113/2014/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật nhằm tiếp tục thể chế hóa các định hướng, quan điểm, chủ trương của Đảng về hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp theo hướng đảm bảo an ninh quốc gia, chủ quyền trong hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, hiệu quả hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp.

## **2. Cơ sở thực tiễn**

Qua báo cáo tổng kết của các cơ quan trung ương và địa phương về 8 năm thi hành Nghị định số 113/2014/NĐ-CP cho thấy đã đạt được những kết quả nhất định như quản lý nhà nước về hợp tác quốc tế về pháp luật được tăng cường, đi vào nền nếp; hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật của các cơ quan, tổ chức ở trung ương và địa phương bám sát, phù hợp với định hướng, nguyên tắc của Đảng và Nhà nước, qua đó đã hỗ trợ tích cực cho việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác pháp luật và tư pháp, trình độ hiểu biết cũng như kỹ năng của các chuyên gia pháp luật Việt Nam đã được nâng lên đáng kể, tiếp cận được với những kiến thức, kinh nghiệm quốc tế phục vụ công tác xây dựng và hoàn thiện pháp luật.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc triển khai thi hành Nghị định số 113/2014/NĐ-CP còn có những hạn chế, vướng mắc nhất định như sau:

- Phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 113/2014/NĐ-CP chưa rõ ràng, chưa quy định cụ thể đối tượng áp dụng; chưa quy định cụ thể nội dung và hình thức hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp nên gây khó khăn, lúng túng cho các cơ quan tổ chức khi thực hiện hoạt động hợp tác quốc tế cũng như cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực này;

- Quy trình, thủ tục thực hiện một số hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp bị trùng lặp hoặc không còn phù hợp do đã được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành như việc lập, phê duyệt chương trình, dự án, phi dự án về pháp luật có sử dụng nguồn vốn ODA.

- Quy định về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong quản lý, thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật chưa được rõ ràng, cụ thể, chủ yếu gắn với trách nhiệm về quản lý, sử dụng vốn ODA mà chưa gắn với những yêu cầu về bảo vệ chính trị nội bộ, bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội trong hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp.

Những bất cập nêu trên của Nghị định số 113/2014/NĐ-CP khiến cho việc thực hiện Nghị định này có nơi, có lúc còn lúng túng, sự phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức ở trung ương và địa phương ở một số nơi còn thiếu chặt chẽ, nhận thức và việc tuân thủ các quy định của Nghị định số 113/2014/NĐ-CP chưa có sự thống nhất giữa các cơ quan, tổ chức, do đó ảnh hưởng đến hiệu quả hợp tác cũng như công tác đảm bảo an ninh trật tự, an ninh đối ngoại trong hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật.

Với cơ sở chính trị, pháp lý và thực tế nêu trên, việc xây dựng Nghị định mới thay thế Nghị định số 113/2014/NĐ-CP là cần thiết để đảm bảo cụ thể hóa quan điểm, chủ trương, định hướng của Đảng trong hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật trong đó chú trọng thực hiện các nhiệm vụ về bảo đảm lợi ích quốc gia-dân tộc, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền trong hoạt động xây dựng pháp luật, thực hiện tốt công tác đảm bảo an ninh, trật tự và phòng ngừa những nguy cơ, rủi ro tiềm ẩn có thể có trong hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

### **1. Mục đích**

Việc xây dựng dự thảo Nghị định nhằm cụ thể hóa các chủ trương, định hướng của Đảng về hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp; khắc phục các tồn tại, hạn chế nêu trên, tăng cường trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc đề xuất, triển khai thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp cũng như tăng cường các biện pháp để đảm bảo các hoạt động hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực này được đúng định hướng, chủ trương của Đảng và Nhà nước; làm rõ trách nhiệm quản lý nhà nước của các cơ quan có liên quan và thực hiện phân cấp, phân quyền cho các cơ quan, chính quyền địa phương trong quyết định, thực hiện và quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật phù hợp với thực tiễn.

### **2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị định**

2.1. Đảm bảo phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; bảo đảm tính hợp Hiến, hợp pháp, tính thống nhất, đồng bộ của Nghị định với các quy định pháp luật liên quan, phù hợp với các điều ước quốc tế mà nước CHXHCN Việt Nam là thành viên.

2.2. Xác định rõ phạm vi điều chỉnh của Nghị định; làm rõ các bước trong quy trình, thủ tục đã được quy định tại các luật, nghị định có liên quan đối với nội dung về hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp.

2.3. Quy định rõ ràng trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương trong quản lý hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp phù hợp với đặc thù của hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp qua đó vừa tạo thuận lợi cho các cơ quan, tổ chức thực hiện hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp và vừa nâng cao hiệu quả công tác này.

2.4. Đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Chính phủ trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; kế thừa những quy định còn phù hợp của Nghị định số 113/2014/NĐ-CP; pháp điển các quy định của Thông tư hiện hành của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số quy định về quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật.

2.5. Bám sát kết quả tổng kết thi hành pháp luật, thực tiễn quản lý nhà nước về hợp tác quốc tế về pháp luật.

### **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

Để xây dựng dự thảo Nghị định, Bộ Tư pháp đã phối hợp với các Bộ, cơ quan, tổ chức liên quan và địa phương triển khai các công việc sau đây:

1. Thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng dự thảo Nghị định;
2. Xây dựng dự thảo Nghị định và tài liệu thuộc Hồ sơ dự thảo Nghị định;
3. Tổ chức lấy ý kiến của các Bộ, cơ quan liên quan, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan;
4. Đăng tải dự thảo Nghị định, tài liệu khác thuộc Hồ sơ dự thảo Nghị định trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ để lấy ý kiến rộng rãi mọi cá nhân, tổ chức (hết thời hạn đăng tải Bộ Tư pháp không nhận được ý kiến góp ý);
5. Dự thảo Nghị định được thẩm định vào ngày .../.../2023.

Trên cơ sở ý kiến thẩm định và kết quả lấy ý kiến, Bộ Tư pháp đã phối hợp với các Bộ, cơ quan, tổ chức liên quan tiếp thu, chỉnh lý và hoàn thiện dự thảo Nghị định, tài liệu khác thuộc Hồ sơ dự thảo Nghị định.

### **IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

#### **1. Bố cục**

Dự thảo Nghị định được bố cục thành 4 chương, 16 điều, bao gồm:

- Chương I. Quy định chung (Điều 1 – Điều 5);
- Chương II. Thực hiện hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp (Điều 6 – Điều 11);
- Chương III. Trách nhiệm trong quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp (Điều 12 – Điều 14);

- Chương IV. Điều khoản thi hành (Điều 15 – Điều 16).

So với Nghị định số 113/2014/NĐ-CP, dự thảo Nghị định giảm 2 chương và 12 điều. Trong tổng số 16 điều của dự thảo Nghị định thì có 7 điều mới so với Nghị định số 113/2014/NĐ-CP, 9 điều được điều chỉnh căn bản nội dung so với Nghị định số 113/2014/NĐ-CP.

## **2. Những điểm mới và nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định**

### **2.1. Về phạm vi điều chỉnh (Điều 1)**

So với Nghị định số 113/2014/NĐ-CP, dự thảo Nghị định quy định phạm vi điều chỉnh cụ thể, rõ ràng hơn, quy định cụ thể đối tượng áp dụng. Theo đó, Nghị định quy định về quản lý các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp bao gồm các nguyên tắc, nội dung, hình thức; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan trong quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp.

Thực hiện yêu cầu về phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước theo Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, trong đó Bộ Tư pháp được giao nhiệm vụ sửa đổi phạm vi quản lý nhà nước đối với các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật trong công tác xây dựng pháp luật; đào tạo, bồi dưỡng về pháp luật. Bộ Tư pháp đã rà soát và không quy định lại quy trình, thủ tục, thẩm quyền phê duyệt hoạt động hợp tác quốc tế đã được quy định tại các văn bản pháp luật khác. Đối với quy định về hợp tác với nước ngoài về đào tạo pháp luật, qua rà soát thấy rằng việc hợp tác với nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục đã được quy định bởi Luật giáo dục, Luật Giáo dục đạo học, Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06/6/2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục. Do đó, dự thảo Nghị định không điều chỉnh các vấn đề liên quan đến thẩm quyền, quy trình, thủ tục cho phép hợp tác đào tạo pháp luật. Dự thảo Nghị định chỉ quy định theo hướng trong quá trình tổ chức thực hiện hợp tác đào tạo pháp luật nếu ký kết các thỏa thuận quốc tế, tiếp nhận và thực hiện dự án, phi dự án, tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp thì sẽ áp dụng quy định của Nghị định về quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp.

### **2.2. Về nguyên tắc trong hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp (Điều 3)**

Bên cạnh việc kế thừa và có hoàn thiện nội dung một số nguyên tắc đã được quy định tại Nghị định số 113/2014/NĐ-CP, dự thảo Nghị định bổ sung thêm một số nguyên tắc mới đảm bảo thực hiện đúng các chủ trương, đường lối, định hướng trong công tác đối ngoại nói chung và hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp nói riêng như các nguyên tắc đảm bảo các yêu cầu về an ninh trật tự, an ninh đối ngoại trong hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp, đề cao tính chủ

động và tự chịu trách nhiệm trong việc quyết định, quản lý và tổ chức thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế.

### **2.3. Về áp dụng các quy định pháp luật có liên quan (Điều 4)**

Để tránh trùng lặp, không quy định lại các quy định đã được quy định tại các văn bản pháp luật chuyên ngành, dự thảo Nghị định quy định về việc áp dụng quy định của Nghị định này và các quy định pháp luật có liên quan đối với đối với hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp.

### **2.4. Về nội dung và hình thức hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp (Điều 5)**

So với Nghị định số 113/2014/NĐ-CP, dự thảo Nghị định bổ sung điều khoản quy định cụ thể về nội dung và hình thức hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp nhằm cụ thể hóa yêu cầu tại Chỉ thị số 39-CT/TW và Kết luận số 73-KL/TW của Ban Bí thư qua đó thống nhất về cách hiểu và thực hiện, tạo thuận lợi cho việc triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp cũng như công tác quản lý nhà nước. Qua tổng kết thực tiễn, Bộ Tư pháp đề xuất quy định các nội dung hợp tác pháp luật và cải cách tư pháp mang tính phổ biến, được triển khai nhiều trong thời gian qua và cần thiết phải áp dụng các quy định quản lý của Nghị định này. Theo đó, khoản 1 Điều 5 dự thảo Nghị định quy định nội dung hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp được điều chỉnh tại Nghị định này bao gồm các lĩnh vực: Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; Tổ chức thi hành pháp luật bao gồm phổ biến, giáo dục pháp luật; theo dõi thi hành pháp luật; kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật,...; Đào tạo và bồi dưỡng pháp luật; Cải cách tư pháp bao gồm hoàn thiện mô hình tổ tụng, tổ chức và hoạt động của cơ quan tư pháp, cơ quan thi hành án, hỗ trợ tư pháp; bồi dưỡng, nâng cao năng lực các chức danh tư pháp và nghề tư pháp. Các nội dung hợp tác này được thực hiện thông qua các hình thức như ký kết và thực hiện các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế; tiếp nhận và thực hiện các dự án, phi dự án; tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế.

Đối với nội dung và hình thức hợp tác pháp luật và cải cách tư pháp không được quy định tại Nghị định này thì thực hiện theo quy định pháp luật khác có liên quan.

### **2.5. Về quản lý các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp (các Điều từ 6 đến 11)**

Dự thảo Nghị định tiếp cận theo hướng không quy định lại thẩm quyền, quy trình, thủ tục phê duyệt hoạt động hợp tác quốc tế như đã quy định tại Nghị định số 113/2014/NĐ-CP vì những nội dung này đã được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác. Dự thảo Nghị định quy định về yêu cầu cần phải đáp ứng đối với đề xuất hoạt động hợp tác quốc tế, quy định cụ thể cơ quan cần xin ý kiến đối với nội dung về hợp tác pháp luật và cải cách tư pháp trong các bước, quy trình khi lấy ý kiến

theo quy định pháp luật hiện hành; quy định về nội dung chia sẻ thông tin, kết quả hợp tác quốc tế theo hướng cơ quan thực hiện hoạt động hợp tác chia sẻ những thông tin cơ bản về hoạt động đã triển khai; chế độ báo cáo hằng năm. Cụ thể như sau:

- Về đề xuất hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp (Điều 6): Dự thảo Nghị định đưa ra một số yêu cầu mà nội dung của đề xuất hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp cần phải đáp ứng để các cơ quan, tổ chức chủ động xây dựng đề xuất hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật đảm bảo phù hợp với chủ trương, định hướng;

- Về lấy ý kiến hoạt động hợp tác quốc tế (Điều 7): Đối với quy trình ký kết điều ước quốc tế: Luật Điều ước quốc tế năm 2016 quy định cụ thể về quy trình, thủ tục, cơ quan cần lấy ý kiến. Do vậy, việc ký kết điều ước quốc tế sẽ được thực hiện theo quy định của Luật Điều ước quốc tế.

Đối với thỏa thuận quốc tế, dự án, phi dự án, tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế, dự thảo Nghị định quy định theo hướng khi thực hiện lấy ý kiến đối với thỏa thuận quốc tế, dự án, phi dự án, tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế theo quy định pháp luật liên quan thì đồng thời gửi hồ sơ lấy ý kiến một số cơ quan về nội dung hợp tác pháp luật và cải cách tư pháp. Quy định về cách thức lấy ý kiến đối với các hình thức triển khai hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp như tại dự thảo Nghị định đảm bảo không trùng lặp về nội dung, quy trình, thủ tục, tạo thuận lợi cho các cơ quan, tổ chức khi thực hiện thủ tục phê duyệt hoạt động hợp tác.

- Về chia sẻ thông tin, kết quả hợp tác, chế độ báo cáo về hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp (các Điều 9, 10): dự thảo Nghị định kế thừa và sửa đổi, bổ sung các quy định này theo hướng các cơ quan, tổ chức chủ động chia sẻ thông tin, kết quả hợp tác quốc tế về pháp luật sau khi kết thúc hoạt động trên cổng thông tin điện tử của cơ quan mình hoặc các hình thức khác phù hợp, không bắt buộc phải gửi về Bộ Tư pháp như quy định hiện hành.

## **2.6. Về trách nhiệm của các cơ quan trong quản lý hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp (từ Điều 11 đến 13)**

So với Nghị định số 113/2014/NĐ-CP, dự thảo Nghị định lược bỏ trách nhiệm quản lý các chương trình, dự án, phi dự án sử dụng vốn ODA về hợp tác pháp luật và tư pháp của các Bộ, ngành, địa phương vì việc quản lý các chương trình, dự án này sẽ thực hiện theo pháp luật về quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA, viện trợ không hoàn lại không thuộc ODA. Đồng thời, để tăng cường trách nhiệm của các Bộ, ngành, dự thảo Nghị định bổ sung quy định nội dung các cơ quan liên quan sẽ cho ý kiến trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chẳng hạn như Bộ Ngoại giao sẽ cho ý kiến về đối tác quốc tế, sự phù hợp với chủ trương, đường lối đối ngoại; Bộ Tư pháp cho ý kiến về tính hợp hiến, hợp pháp; Bộ Công an cho ý kiến về các biện pháp bảo đảm an ninh, trật tự,...



## 2.7. Về hiệu lực thi hành

Dự thảo Nghị định kế thừa các quy định của Nghị định số 113/2014/NĐ-CP về hiệu lực thi hành và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc tổ chức thi hành Nghị định. Đồng thời, bổ sung quy định về điều khoản chuyển tiếp đối với các hoạt động hợp tác quốc tế đã được phê duyệt và các hoạt động hợp tác quốc tế đã trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Nghị định thay thế Nghị định số 113/2014/NĐ-CP có hiệu lực.

Dự thảo Nghị định đã pháp điển hóa một số quy định còn phù hợp của Thông tư số 07/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số quy định của Nghị định số 113/2014/NĐ-CP. Do vậy, sau khi Nghị định thay thế Nghị định số 113/2014/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, Bộ Tư pháp sẽ tiến hành các thủ tục bãi bỏ Thông tư số 07/2015/TT-BTP theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

**V. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN XIN Ý KIẾN:** Dự thảo Nghị định không có vấn đề cần phải xin ý kiến Chính phủ.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị định quy định về quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp, Bộ Tư pháp kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

*(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Nghị định; (2) Báo cáo thẩm định; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định; (3) Báo cáo về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định; (4) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của Nghị định; (5) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách ).*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, Vụ HTQT.

**KT. BỘ TRƯỞNG**

**THỨ TRƯỞNG**



**Nguyễn Khánh Ngọc**

